Phiếu học tập số 6 :BÀI 8 **: MỘT SỐ BAZƠ QUAN TRỌNG**

**Câu 214:** (Mức 1)

Thuốc thử để nhận biết dung dịch Ca(OH)2 là:

A. Na2CO3 B. KCl C. NaOH D. NaNO3

**Câu 215:** (Mức 1)

Dung dịch có độ bazơ mạnh nhất trong các dung dịch có giá trị pH sau:

A. pH = 8 B. pH = 12 C. pH = 10 D. pH = 14

**Câu 216:** (Mức 1)

Nhóm các dung dịch có pH > 7 là:

A. HCl, NaOH B. H2SO4, HNO3

C. NaOH, Ca(OH)2 D. BaCl2, NaNO3

**Câu 217:** (Mức 1)

Để phân biệt hai dung dịch NaOH và Ba(OH)2 đựng trong hai lọ mất nhãn ta dùng thuốc thử:

A. Quỳ tím B. HCl C. NaCl D. H2SO4

**Câu 218:** (Mức 1)

NaOH có tính chất vật lý nào sau đây ?

A.Natri hiđroxit là chất rắn không màu, ít tan trong nước

B. Natri hiđroxit là chất rắn không màu, hút ẩm mạnh, tan nhiều trong nước và tỏa nhiệt

C. Natri hiđroxit là chất rắn không màu, hút ẩm mạnh và không tỏa nhiệt

D. Natri hiđroxit là chất rắn không màu, không tan trong nước, không tỏa nhiệt.

**Câu 219:** (Mức 1)

Dung dịch Ca(OH)2  và dung dịch NaOH có những tính chất hóa học của bazơ tan vì:

A.Làm đổi màu chất chỉ thị, tác dụng với oxit axit.

B. Làm đổi màu chất chỉ thị, tác dụng với axit.

C. Làm đổi màu chất chỉ thị, tác dụng với oxit axit và axit.

D. Tác dụng với oxit axit và axit.

**Câu 220:** (Mức 1)

Cặp chất **không** thể tồn tại trong một dung dịch ( tác dụng được với nhau) là:

A. Ca(OH)2 , Na2CO3 B. Ca(OH)2 , NaCl

C. Ca(OH)2 , NaNO3 D. NaOH , KNO3

**Câu 221:** (Mức 1)

Nếu rót 200 ml dung dịch NaOH 1M vào ống nghiệm đựng 100 ml dung dịch H2SO4 1M thì dung dịch tạo thành sau phản ứng sẽ:

A. Làm quỳ tím chuyển đỏ

B. Làm quỳ tím chuyển xanh

C. Làm dung dịch phenolphtalein không màu chuyển đỏ.

D. Không làm thay đổi màu quỳ tím.

**Câu 222:** (Mức 1)

Dung dịch NaOH và dung dịch KOH **không** có tính chất nào sau đây?

A.Làm đổi màu quỳ tím và phenophtalein

B. Bị nhiệt phân hủy khi đun nóng tạo thành oxit bazơ và nước.

C. Tác dụng với oxit axit tạo thành muối và nước

D. Tác dụng với axit tạo thành muối và nước

**Câu 223:** (Mức 1)

Cặp oxit phản ứng với nước ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch bazơ là:

A. K2O, Fe2O3. B. Al2O3, CuO. C. Na2O, K2O. D. ZnO, MgO.

**Câu 224:** (Mức 1)

Dãy các bazơ bị phân hủy ở nhiệt độ cao:

A.Ca(OH)2, NaOH, Zn(OH)2, Fe(OH)3

B. Cu(OH)2, NaOH, Ca(OH)2, Mg(OH)2

C.Cu(OH)2, Mg(OH)2, Fe(OH)3, Zn(OH)2

D. Zn(OH)2, Ca(OH)2, KOH, NaOH

**Câu 225:** (Mức 2)

Dung dịch NaOH phản ứng với tất cả các chất trong dãy:

A.Fe(OH)3, BaCl2, CuO, HNO3. B. H2SO4, SO2, CO2, FeCl2

C. HNO3, HCl, CuSO4, KNO3 D. Al, MgO, H3PO4, BaCl2

**Câu 226:** (Mức 2)

Dung dịch Ca(OH)2 phản ứng với tất cả các chất trong dãy chất nào sau đây?

A.NaCl, HCl, Na2CO3, KOH B.H2SO4, NaCl, KNO3, CO2

C. KNO3, HCl, KOH, H2SO4 D. HCl, CO2, Na2CO3, H2SO4

**Câu 227:** (Mức 2)

Cặp chất cùng tồn tại trong dung dịch ( không tác dụng được với nhau) là:

A. NaOH, KNO3 B. Ca(OH)2, HCl

C. Ca(OH)2, Na2CO3 D. NaOH, MgCl2

**Câu 228:** (Mức 2)

Sau khi làm thí nghiệm, có những khí thải độc hại: HCl, H2S, CO2, SO2. Dùng chất nào sau đây để loại bỏ chúng là tốt nhất?

A. Muối NaCl B. Nước vôi trong C. Dung dịch HCl D. Dung dịch NaNO3

**Câu 229:** (Mức 2)

Có ba lọ không nhãn, mỗi lọ đựng một dung dịch các chất sau: NaOH, Ba(OH)2, NaCl. Thuốc thử để nhận biết cả ba chất là:

A.Quỳ tím và dung dịch HCl B. Phenolphtalein và dung dịch BaCl2

C. Quỳ tím và dung dịch K2CO3 D. Quỳ tím và dung dịch NaCl

**Câu 230:** (Mức 2)

Cặp chất khi phản ứng với nhau tạo thành chất kết tủa trắng :

A. Ca(OH)2 và Na2CO3. B. NaOH và Na2CO3.

C. KOH và NaNO3. D. Ca(OH)2 và NaCl

**Câu 231:** (Mức 2)

Cặp chất khi phản ứng với nhau tạo ra dung dịch NaOH và khí H2:

A. Na2O và H2O. B. Na2O và CO2.

C. Na và H2O. D. NaOH và HCl

**Câu 232:** (Mức 2)

Cặp chất đều làm đục nước vôi trong Ca(OH)2 :

A.CO2, Na2O. B.CO2, SO2.

C.SO2, K2O D.SO2, BaO

**Câu 233:** (Mức 2)

Dãy các bazơ đều làm đổi màu quỳ tím và dung dịch phenolphtalein :

A.KOH, Ca(OH)2, Cu(OH)2, Zn(OH)2 B. NaOH, Al(OH)3, Ba(OH)2, Cu(OH)2

C. Ca(OH)2, KOH, Zn(OH)2, Fe(OH)2 D. NaOH, KOH, Ca(OH)2, Ba(OH)2

**Câu 234:** (Mức 2)

Dung dịch NaOH và dung dịch Ca(OH)2 **không phản ứng** với cặp chất:

A.HCl, H2SO4 B. CO2, SO3

C.Ba(NO3)2, NaCl D. H3PO4, ZnCl2

**Câu 235:** (Mức 2)

Thành phần phần trăm của Na và Ca trong hợp chất NaOH và Ca(OH)2 lần lượt là:

A. 50,0 %, 54,0 % B. 52,0 %, 56,0 %

C. 54,1 %, 57,5 % D. 57, 5% , 54,1 %

**Câu 236:** (Mức 2)

Dung dịch NaOH phản ứng với tất cả các chất trong dãy:

A.CO2, P2O5, HCl, CuCl2 B.CO2, P2O5, KOH, CuCl2

C. CO2, CaO, KOH, CuCl2 D. CO2, P2O5, HCl, KCl

**Câu 237:** (Mức 2)

NaOH rắn có khả năng hút nước rất mạnh nên có thể dùng làm khô một số chất. NaOH làm khô khí ẩm nào sau đây?

A. H2S. B. H2. C. CO2. D. SO2.

**Câu 238**: Mức 3)

Cho 2,24 lít khí CO2 ( đktc) hấp thụ hoàn toàn bởi 200 ml dung dịch Ca(OH)2 , chỉ thu được muối CaCO3. Nồng độ mol của dung dịch Ca(OH)2 cần dùng là:

A. 0,5M B. 0,25M C. 0,1M D. 0,05M

**Câu 239**: (Mức 3)

Hòa tan 30 g NaOH vào 170 g nước thì thu được dung dịch NaOH có nồng độ là:

A. 18% B. 16 % C. 15 % D. 17 %

**Câu 240:** (Mức 3)

Dẫn 22,4 lít khí CO2 ( đktc) vào 200g dung dịch NaOH 20%. Sau phản ứng tạo ra sản phẩm nào trong số các sản phẩm sau:

A. Muối natricacbonat và nước. B. Muối natri hidrocacbonat

C. Muối natricacbonat. D.Muối natrihiđrocacbonat và natricacbonat

**Câu 241:** (Mức 3)

Trung hòa 200 g dung dịch NaOH 10% bằng dung dịch HCl 3,65%. Khối lượng dung dịch HCl cần dùng là:

A. 200g B. 300g C. 400g D. 500g

**Câu 242:** (Mức 3)

Hòa tan 112 g KOH vào nước thì được 2 lit dung dịch. Nồng độ mol của dung dịch thu được là:

A. 2,0M B. 1,0M C. 0,1M D. 0,2M

**Câu 243:** (Mức 3)

Trung hòa 200 ml dung dịch NaOH 1M bằng dung dịch H2SO4 10%. Khối lượng dung dịch H2SO4 cần dùng là:

A . 98 g B. 89 g C. 9,8 g D.8,9 g

**Câu 244:** (Mức 3)

Hòa tan 6,2 g Na2O vào nước được 2 lít dung dịch. Nồng độ mol của dung dịch thu được là:

A .0,1M B. 0,2 M C. 0,3M D. 0,4M

**Câu 245:** (Mức 3)

Hòa tan 80 g NaOH vào nước thu được dung dịch có nồng độ 1M. Thể tích dung dịch NaOH

là: A. 1 lít B. 2 lít C. 1,5 lít D. 3 lít